TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mua

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 495/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:08/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị Hoàng M, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long – Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trung P, sinh năm 1963; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long – Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà M trình bày:

Bà M và ông P kết hôn vào năm 1988, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới được cha mẹ hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 33 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân sau cùng từ năm 2014 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà M trình bày là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hơn nữa, ông P còn có người phụ nữ khác bên ngoài mặc dù bà M cố gắng vun đắp tình cảm vợ chồng nhưng ông P vẫn không thay đổi, vợ chồng không thể hàn gắn ly thân sau cùng từ năm 2014 đến nay không về đoàn tụ được.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Bá D, sinh năm 1988 và Nguyễn Bá N, sinh năm 1990, đều đã trưởng thành. Về con riêng, con nuôi không có.

Về tài sản chung: Bà M trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M trình bày vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung P; Về con chung là Nguyễn Bá D, sinh năm 1988 và Nguyễn Bá N, sinh năm 1990, đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Trung P đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như ngày mở phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản ý kiến gì phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của bà M.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn ông Nguyễn Trung P đã được Tòa án tống đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho ông P đúng theo quy định pháp luật nhưng ông P không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung P; Về con chung là Nguyễn Bá D, sinh năm 1988 và Nguyễn Bá N, sinh năm 1990, đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Nguyễn Trung P vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

[2.1] Xét về hôn nhân: Bà M và ông P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

là đúng theo quy định pháp luật. Nên việc bà M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P là có cơ sở xem xét.

Bởi vì: Theo bà M trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông P không cố gắng vun đắp để xây dựng hạnh phúc gia đình mà còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài không quan tâm chăm sóc vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng mặc dù bà M có khuyên ngăn nhưng ông P không thay đổi.

Tại phiên tòa hôm nay ông P vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án ông P đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về ngày xét xử vụ án hợp lệ đúng theo quy định nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu của bà M thì xem như ông P từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay bà M đã xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông P không còn nữa. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Hoàng M đối với ông Nguyễn Trung P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.2] Xét về con chung: Là Nguyễn Bá D, sinh năm 1988 và Nguyễn Bá N, sinh năm 1990, đều đã trưởng thành bà M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

[2.3] Xét về tài sản chung: Do ông P vắng mặt, bà M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Do ông P vắng mặt, bà M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Hoàng M phải nộp số tiền 300.000[đ] *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000[đ] *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011383, ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hồ Thị Hoàng M;

- Về hôn nhân: Cho bà Hồ Thị Hoàng M được ly hôn với ông Nguyễn Trung P;

- Về con chung: có 02 con chung tên: Nguyễn Bá D, sinh năm 1988 và Nguyễn Bá N, sinh năm 1990, đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung: Do ông P vắng mặt, bà Mai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

- Về nợ chung: Do ông P vắng mặt, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Hoàng M phải nộp số tiền 300.000^{đ} *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011383, ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- UBND xã Phú Lộc: 01
- Đương sự
- Lưu: 03

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thị Tuyết Sương